WORKSHEET

Date: 07/01/2025 FFs2-Unit 1	SGL Saigon Language	Teacher's feedbacks

Task 1: Put the words into the correct order.
(Sắp xếp các từ theo đúng thứ tự.)

a) are / Those / watches. /

➔ _____

b) my / books. / These / are /

➔ _____

c) are / Those / my / new / jeans. /

➔ _____

d) my / house. / This / is /

➔ _____

e) beautiful / These / are / flowers. /

➔ _____

f) are / shoes. / These / my /

➔ _____

g) bike. / my / That / is /

➔ _____

h) school. / That / my / is /

➔ _____

i) Those / are / pens. / my /

➔ _____

Task 2: Find the mistakes and correct them.
(Tìm lỗi sai và sửa lại thành đáp án đúng.)

a. This is a apple.

a -> an

b. These are my computer.

_____ -> _____

c. That is a posters.

_____ -> _____

d. Those are peg.

_____ -> _____

e. These is my books.

_____ -> _____

f. This is an cupboard.

_____ -> _____

g. Those are my new ruler.

_____ -> _____

h. That is an bag.

_____ -> _____

i. This are my closet.

_____ -> _____

j. Those is my pencil case.

_____ -> _____

LIVEWORKSHEETS

Task 3: Read and fill in the gaps.

(Đọc và điền đáp án có sẵn bên dưới vào ô trống.)

A baby

I live in a .....flat..... . I have a **(1)** ..... and I live with them. I am small. I can't walk. I talk but people don't understand me. I don't go to **(2)** ..... . I can't stand. My mum holds me in her two **(3)** ..... . I play with my **(4)** ..... . My favourite drink is **(5)** ..... and I sleep a lot.

What am I? I am a baby.

Example

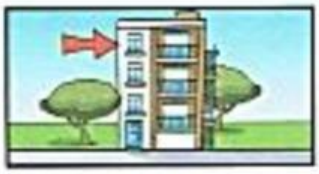

flat

window

family

toys

night

arms

school

milk

LIVEWORKSHEETS